TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Thảo.

2. Ông Nguyễn Văn Minh.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Đỗ Minh Thìn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, Thông báo dời thời gian xét xử số 11/TB-TA ngày 09/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 17/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm: 19AA.

Địa chỉ: Số B, ấp L, xã Q, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lê Chí H, sinh năm: 19CC.

Địa chỉ: Số B, ấp L, xã Q, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Phan Thị T và anh Lê Chí H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Phan Thị T có đơn yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày ý kiến:***

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và Lê Chí H chung sống vợ chồng từ năm 2005, trước khi đi đến hôn nhân có tự tìm hiểu nhau khoảng 4 năm, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2006 tại UBND xã Q, thành phố S, Đồng Tháp.

Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, do vợ chồng thường xuyên gây gỗ, xung đột. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có tính gia trưởng, luôn yêu cầu chị T phải làm theo ý mình, nếu không làm đúng anh H dùng lời lẽ xúc phạm chị T, có lúc đánh chị T, anh H không quan tâm chăm sóc chị T. Ngoài ra, anh H còn nhiều lần ghen vô cớ và đánh chị T. Do mâu thuẫn kéo dài từ lúc đầu chung sống (năm 2005) cho đến nay, vợ chồng chung sống nhưng không chia sẽ được với nhau, từ năm 2016 đến nay tuy vợ chồng sống chung nhưng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Chị T nhận thấy không còn tình cảm thương yêu anh H; sống chung với anh H, chị T ám ảnh sợ anh H dùng lời lẽ xúc phạm chị T, đánh chị T, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H. Những hạn chế khuyết điểm của anh H, chị T đã nhiều lần trao đổi, góp ý với anh H, nhưng anh H không sửa đổi được.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Bích T1, sinh ngày 10/5/20DD và Lê Thảo V, sinh ngày 24/3/20EE (hiện cháu T1 và cháu V đang sống với chị T, anh H). Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T1 và cháu V, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không có yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn anh Lê Chí H có đơn yêu cầu giải quyết vụ kiện vắng mặt, có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày ý kiến:***

- Về hôn nhân: Về thời gian tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn anh H thống nhất theo lời trình bày của chị T. Do anh H làm nghề tài xế chạy xe tải, xe ba gác chở hàng có lúc 4 – 5 ngày mới về nhà một lần nên có ít thời gian chăm sóc chị T. Anh H xác định anh H có tính gia trưởng, có yêu cầu chị T làm theo ý anh H, chị T không làm theo anh H có dùng lời lẽ xúc phạm chị T, có lúc đánh chị T do chị T đi đám cưới về trễ, anh H gọi điện thoại di động nhưng chị T không nghe máy.

Nay anh H nhận thấy còn tình cảm thương yêu chị T, anh H không muốn con thiếu tình thương của cha mẹ khi ly hôn, anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau. Những hạn chế khuyết điểm của anh H, anh H sẽ sửa đổi.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Bích T1, sinh ngày 10/5/20DD và Lê Thảo V, sinh ngày 24/3/20EE (hiện cháu T1 và cháu V đang sống với chị T, anh H). Trường hợp ly hôn, anh H đồng ý giao cháu T và cháu V cho chị T nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị T.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh H về việc nuôi con chung sau ly hôn, cụ thể như sau: Chị T được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Bích T1, sinh ngày 10/5/20DD và Lê Thảo V, sinh ngày 24/3/20EE (hiện cháu T1 và cháu V đang sống với chị T, anh H), anh H có trách nhiệm giao 02 con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn. Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom 02 con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Phan Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Chí H là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chị Phan Thị T và anh Lê Chí H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T, anh H theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị T và anh H chung sống vợ chồng từ năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2006 tại UBND xã Q, thành phố S, Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn như gây gỗ, có những lời lẽ xúc phạm nhau, có lúc anh H đánh chị T; nguyên nhân là do cả hai không cảm thông, chia sẻ cho nhau trong công việc

cũng như sinh hoạt gia đình, chăm sóc con. Chị T thì mong muốn anh H dành nhiều thời gian gần gũi, quan tâm, chăm sóc vợ và các con; nhưng anh H làm nghề tài xế chạy xe tải, xe ba gác chở hàng có lúc 4 – 5 ngày mới về nhà một lần nên có ít thời gian cho gia đình, chăm sóc vợ con.

Tại Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định bình đẳng về quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng như sau: "*Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình…*".

Qua Tòa án thu thập chứng cứ là xác minh người làm chứng và anh H cũng thừa nhận anh H có tính gia trưởng, khi yêu cầu chị T làm theo ý mình mà chị T không làm theo thì anh H có dùng lời lẽ xúc phạm chị T, có lúc đánh chị T. Do đó, chứng tỏ anh H đã có hành vi bạo lực gia đình và vi phạm nghiêm trọng quyền bình đẳng của vợ chồng.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*…".

Do chị T, anh H không thấu hiểu, thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên đã làm cho tình cảm giữa vợ chồng ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, không thể hàn gắn. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án cũng đã động viên, hàn gắn tình cảm, đoàn tụ vợ chồng để cùng chăm lo cho các con, nhưng chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn anh H.

Chị T xác định không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Sống chung vợ chồng với anh H, chị T luôn ám ảnh sợ anh H dùng lời lẽ xúc phạm chị T, đánh chị T, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về phía anh H: Không đồng ý ly hôn chị T vì cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T; anh H mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ chung sống với nhau để cùng chăm lo cho các con nhưng anh H cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị T. Ngoài ra, anh H thừa nhận là quá trình chung sống ít dành thời gian quan tâm, lo lắng cho vợ và các con, anh H có tính gia trưởng yêu cầu vợ phải làm theo ý mình, có lúc anh H đánh chị T.

Từ những phân tích trên cho thấy; tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau và anh H vi phạm nghiêm trọng quyền bình đẳng giữa vợ chồng, cũng như anh H có hành vi bạo lực gia đình. Nếu chị T, anh H đoàn tụ tiếp tục chung sống vợ chồng thì cũng không có hạnh phúc và tạo sự ám ảnh tinh thần cho chị T về việc anh H dùng lời lẽ xúc phạm chị T, đánh

chị T. Do đó, xét thấy việc chị T yêu cầu được ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh H thỏa thuận thống nhất chị T được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Bích T1, sinh ngày 10/5/20DD và Lê Thảo V, sinh ngày 24/3/20EE (hiện cháu T1 và cháu V đang sống với chị T, anh H), anh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận về nuôi con chung của chị T, anh H sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Bích T1, cháu Lê Thảo V và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh H về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Anh H được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về chia tài sản chung và nợ chung:

Về chia tài sản chung sau khi ly hôn: Do chị T và anh H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị T và anh H cho rằng có nợ ông Lê Hữu Ch và Ngân hàng X. Nhưng chị T, anh H, ông Ch và Ngân hàng không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 17, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị T. Cho chị Phan Thị T ly hôn anh Lê Chí H.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Chị Phan Thị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Lê Bích T1, sinh ngày 10/5/20DD và Lê Thảo V, sinh ngày 24/3/20EE (hiện cháu T1 và cháu V đang sống với chị T, anh H).

Anh Lê Chí H có nghĩa vụ giao 02 cháu Lê Bích T1 và Lê Thảo V cho chị Phan Thị T chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Lê Chí H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Chị Phan Thị T không yêu cầu anh Lê Chí H cấp dưỡng nuôi 02 con chung trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị T nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng, chị T đã nộp ngày 14/01/2021 theo biên lai thu số 0008638 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Q, TP. S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Thúy